

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua vào ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 0363/2026/TLST-VHNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

+ Ông **Dương Đăng K** năm: 1996

CCCD số 079096037735 cấp ngày 20/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: **1 N, phường T** (trước đây là **Phường B, quận B**), **Thành phố Hồ Chí Minh**.

+ Bà **Dương Thảo A** Thu Sinh năm: 1996

CCCD số 079196021457 cấp ngày 20/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: **2 B, phường B** (trước đây là **Phường B, quận B**), **Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Dương Đăng K1** và bà **Dương Thảo Anh T** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **T** (trước đây là **Phường B, quận B**), **Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 cấp ngày 05/02/2021.

[2] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 03 năm 2026 giữa Ông **Dương Đăng K1** và bà **Dương Thảo Anh T** đã có sự thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Dương Đăng K1** và bà **Dương Thảo Anh T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông **K1** và bà **T** có 02 con chung là **Dương Gia H**, sinh ngày 05/5/2021 và **Dương Gia N**, sinh ngày 13/7/2023. Khi ly hôn ông **K1** và bà **T** thống nhất giao con chung là **Dương Gia H** cho ông **K1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là **Dương Gia N** cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con: ông **K1** và bà **T** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông **K1** và bà **T** được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông **K1** và bà **T** khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí ly hôn 300.000 đồng, ông **Dương Đăng K1** và bà **Dương Thảo Anh T** phải nộp.

[3] Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Dương Đăng K1** và bà **Dương Thảo Anh T** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 05/02/2021 do Ủy ban nhân dân phường **T** (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông **Dương Đăng K1** và **Dương Thảo Anh T** hết hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông **K1** và bà **T** có 02 con chung là **Dương Gia H**, sinh ngày 05/5/2021 và **Dương Gia N**, sinh ngày 13/7/2023. Khi ly hôn ông **K1** và bà **T** thống nhất giao con chung là **Dương Gia H** cho ông **K1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là **Dương Gia N** cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con: ông **K1** và bà **T** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông **K1** và bà **T** được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung. Khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông **K1** và bà **T** khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí ly hôn 300.000 đồng, ông **Dương Đăng K1** và bà **Dương Thảo Anh T** phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông **K1** và bà **T** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000710 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **K1** và bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV5;
- THADS TPHCM;
- Dương Sự;
- Lưu VP(Hồ Sơ);

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thủy